

Bản án số: **94/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: **09/12/2025.**

V/v tranh chấp: **xin ly hôn.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tạ Công Minh**

2. Ông **Phùng Văn Long**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Đông**, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp tham gia phiên Tòa: bà **Kiều Thị Mỹ Tiên** - Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2025/QĐST- HNGĐ ngày 24/11/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **A** - sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp T, xã L, tỉnh Đ.

Tạm trú: ấp T, xã Ti, tỉnh Đ

* Bị đơn: Ông **N**- sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp T, xã L, tỉnh Đ.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn bà A trình bày: Bà và Ông N cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T vào ngày 17/8/2013. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Vợ chồng có hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N .

- Về con chung: Có 02 con chung tên H, sinh ngày 20/10/2017 và T, sinh ngày 07/6/2021, hiện hai cháu A và T đang sống với ông N. Khi ly hôn bà Ayêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, để ông N nuôi dưỡng cháu T, không ai phải dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn Ông N trình bày: Ông thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà A về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T vào ngày 17/8/2013. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do bà A làm công nhân ở Khu công nghiệp Long Giang thường xuyên nhấn tin tình cảm với người đàn ông khác, ông biết nên phát sinh mâu thuẫn tranh chấp. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên ông đồng ý ly hôn bà A.

- Về con chung: Có 02 con chung tên H, sinh ngày 20/10/2017 và T, sinh ngày 07/6/2021. Từ khi vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay 02 con chung sống cùng với ông và được đi học tại trường tiểu học Nhị Bình và trường mầm non Nhị Bình. Khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Do bà A ở nhà trọ chưa có nhà ở ổn định. Từ khi ly thân bà A cả tháng mới về thăm con một lần.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà A yêu cầu xin ly hôn với ông N; về con chung: bà Ayêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, sinh ngày 20/10/2017, để Ông N tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, sinh ngày 07/6/2021, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Ông N đồng ý ly hôn với bà A; về con chung: ông N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu H, sinh ngày 20/10/2017 và T, sinh ngày 07/6/2021, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết..

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A; về con chung: giao cho bà A được nuôi dưỡng cháu H, sinh ngày 20/10/2017, giao Ông N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, sinh ngày 07/6/2021. Bà A và ông N không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà A là có cơ sở. Vì bà A và Ông N cưới nhau vào năm 2013, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T số 133 ngày 17/8/2013. Sau khi cưới bà A và ông N sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện bà A và ông N sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, nhưng bà A và ông N vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông N đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa ông N cũng đồng ý ly hôn với bà Thuý. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà A và ông N là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: bà A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, sinh ngày 20/10/2017, phía ông N yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu H, sinh ngày 20/10/2017 và T, sinh ngày 07/6/2021. Xét yêu cầu của bà A là có cơ sở, vì hiện tại bà A đang làm công nhân thu nhập cũng ổn định và cháu A là con gái nên việc chăm sóc cháu A giao cho bà A sẽ đảm bảo hơn so với ông N, đồng thời theo nguyện vọng của cháu A cũng muốn sống với bà Thuý. Còn ông N đang làm nghề sửa xe tuy ông N cho rằng ông có thu nhập từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, nhưng việc ông N yêu cầu nuôi dưỡng hết hai cháu A và cháu T là không đảm bảo, đồng thời ông N trình bày khi ông đi làm thì giao cho bà nội chăm sóc hai con, tuy hiện tại hai cháu A và T đang sống với ông N nhưng về lâu dài nếu cả hai cháu giao cho ông N nuôi dưỡng sẽ tạo thêm gánh nặng cho ông và mẹ ruột của ông dẫn đến việc chăm sóc hai con sẽ không đảm bảo. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của hai cháu cháu A và T, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu A cho bà A nuôi dưỡng và giao cháu T cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà A và ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: bà A và ông N trình bày không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: do bà A là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 227, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A .

Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà A và ông N .

- Về con chung: giao cho bà A được nuôi dưỡng cháu H, sinh ngày 20/10/2017 và giao cho ông N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, sinh ngày 07/6/2021 cho đến khi hai cháu A và T đủ 18 tuổi, lao động được. Ông N có trách nhiệm giao cháu A cho bà A nuôi dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà A và Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà A và Ông N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp theo biên lai thu số 0003334 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, do vậy bà A đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND KV 3 – Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- PTHADS KV 3 – Đồng Tháp;
- UBND xã Long Định
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh